



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 19/2026

(06/05/2025 – 12/05/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI ghi nhận đóng cửa ở mức 3.063 điểm – chính thức vượt mốc 3.000 điểm kể từ tháng 12/2023, sau 2 năm lè 5 tháng. Tổng quan các chỉ số thuê tàu tuần qua như sau: Capesize tăng thêm 379 điểm (↑8%) lên 5.082 điểm – cao nhất sau 5 tháng kể từ tháng 12/2024. Panamax cũng tăng 306 điểm (↑14,8%) lên 2.360 điểm – cao nhất trong vòng 1 năm 2 tháng kể từ tháng 3/2024. Trong khi đó, Supramax chỉ tăng nhẹ 27 điểm (↑1,8%) lên 1.535 điểm và Handysize tăng 22 điểm (↑2,6%) lên 843 điểm. Như vậy, trước những biến động khó lường của địa chính trị như hiện nay đã mang lại cả cơ hội và rủi ro như nhau, thị trường vận tải đã thích nghi tốt và trở lại năng động hơn. Tuần qua ghi nhận số lượng giao dịch mua bán tàu ở mức ổn định (trung bình 15 tàu/tuần), trong đó dòng tàu Ultramax và Supramax chiếm số lượng áp đảo. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu Hy Lạp bán tàu **Messinian Spire** (56.056 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 05/2026, SS 05/2028) với giá khoảng 14,5 triệu đô la Mỹ. Như vậy, có thể thấy giá dòng Supramax đóng Nhật tiếp tục tăng nếu so với tàu **Kapta Mathios** (58.743 dwt, đóng 2009 xưởng Tsuneishi Zhoushan, Trung Quốc, DD/SS 11/2026) về tay Người mua Trung Quốc với giá khoảng 13,75 triệu đô la Mỹ. Tuần qua tàu **Jalma Topic** (51.966 dwt, đóng 2006 xưởng Tsuneishi Zhoushan, Trung Quốc, DD 04/2029, SS 04/2031) được bán với giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ - mức hợp lý do tàu vừa mới qua đà. Tuần trước, tàu già hơn một tuổi **Valiant Wave** (53.490 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 11/2028 SS 8/2030) được bán với giá khoảng 10,5 triệu đô la Mỹ. Tiếp theo cũng là một tàu già, tàu **Meraklis** (50.296 dwt, đóng 2001 Nhật, đăng kiểm Ba Lan PRS (IACS) SS 07/2028) được bán thành công với giá khoảng 6,3 triệu đô la Mỹ - tàu sắp lên đà trung gian 7/2026. Mức này cũng hợp lý nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Oasis Champion** (50.206 dwt, đóng 2002 Nhật, hạn đà cận kề DD/SS 7/2026) được bán với giá khoảng 7,5 triệu đô la Mỹ vào đầu tháng 2/2026. Sang dòng Supramax đóng Trung Quốc, tàu **Planet Team** (53.477 dwt, đóng 2009, DD 03/2027, SS 01/2029) được bán với giá khoảng 10,2 triệu đô la Mỹ - mức này nhìn chung hơi mềm, tàu có đăng kiểm Thổ Nhĩ Kỳ Türk Loydu (hiếm nhưng vẫn là thành viên Hiệp hội IACS). Một tàu khác tương tự là **Xing Ning He** (53.208 dwt, đóng 2009, DD 12/2026, SS 01/2029) được chủ tàu Trung Quốc bán với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Mức này khá hợp lý nếu so với tàu già hơn hai tuổi **Asteris** (53.629 dwt, đóng 2007 Trung Quốc, DD/SS 04/2027) bán tuần trước với giá khoảng 9,8 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) chỉ giảm 18 điểm tương đối nhẹ (↓0,7%) còn 2.463 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) giảm thêm 134 điểm (↓6,8%) còn 1.818 điểm. Viễn cảnh căng thẳng vùng Vịnh sớm chấm dứt có lẽ đang trở nên mù mịt hơn bao giờ hết khi Mỹ và Iran không ngừng khiêu khích nhau. Giá dầu tăng, nguồn hàng hạn chế cộng với danh sách tàu chờ đã tạo sự cạnh tranh gay gắt và áp lực nặng nề lên cước vận tải. Hoạt động mua bán tuần qua tương đối ít và rời rạc, chủ yếu là cỡ tàu nhỏ từ MR trở xuống trừ ghi nhận hai tàu Suezmax bán thành công. Tàu **Royal Jasmine** (53.148 dwt, đóng 2008 Trung Quốc, SS 07/2028) về tay Người mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 20,8 triệu đô la Mỹ - lưu ý tàu sắp lên đà trung gian 06/2026. Tháng 2/2026, tàu tương tự **Torm Laura** (53.160 dwt, đóng 2008

Trung Quốc, đã lắp máy lọc khí, DD 08/2026, SS 05/2028) được bán với giá chỉ khoảng 17,75 triệu đô la Mỹ. Tiếp theo là tàu **Autan** (50.667 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD 05/2027, SS 02/2029) được chủ tàu Hy Lạp bán với giá khoảng 23,5 triệu đô la Mỹ. Mức này hợp lý nếu so với tàu trẻ hơn một tuổi **Arion** (51.589 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD 09/2028, SS 03/2030) bán tuần trước với giá khoảng 25 triệu đô la Mỹ. Trong một giao dịch cũ, ghi nhận tàu chemical 37k **Wonder Mimosa** (37.568 dwt, đóng 2006 Hàn Quốc, DD/SS 06/2026) về tay Người mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 12,8 triệu đô la Mỹ. Mức này khá cao nếu so với giao dịch tuần trước, Người mua Hy Lạp chốt tàu tương tự già hơn một tuổi **East Cost** (37.515 dwt, đóng 2005 Hàn Quốc đã lắp máy lọc khí, DD 04/2028, SS 03/2030) với giá khoảng 11,7 triệu đô la Mỹ. Sang mảng tàu J19, chủ tàu Singapore bán tàu **MTM Hamburg** (20.564 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 08/2026, SS 06/2028) với giá khoảng 17 triệu đô la Mỹ - mức hơi mềm do sắp đến hạn đà trang gian. Tháng 4, tàu trẻ hơn một tuổi **JBU Sapphire** (19.860 dwt, đóng 2009 Nhật, hạn đà còn xa DD 07/2027, SS 07/2029) được chủ tàu Hàn Quốc bán với giá khoảng 18,7 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Yangze 902	2012	China	93,225	13.00	Undisclosed	TC attached, DD/SS 01/2027
Mandy Morn	2008	Tsuneishi Zhoushan, China	82,612	14.00	Undisclosed	DD 07/2026, SS 10/2028
Avalon	2011	Korea	81,565	17.80	Undisclosed	DD/SS due 07/2026
Dominator	2021	Japan	63,652	38.00	Undisclosed	Eco M/E, DD/SS 07/2026
Huayang Rose	2016	China	63,562	50.40	Chinese	Eco M/E, DD/SS due 06/2026
Huayang Lily	2016	China	63,553			Eco M/E, DD/SS due 06/2026
Messinian Spire	2008	Japan	56,056	14.50	Middle Eastern	DD due 05/2026, SS 05/2028, Greek owners
Planet Team	2009	China	53,477	10.20	Undisclosed	DD 03/2027, SS 01/2029
Xing Ning He	2009	China	53,208	11.00	Undisclosed	DD 12/2026, SS 01/2029, Chinese
Jalma Topic	2006	Tsuneishi Zhoushan, China	51,966	12.00	Undisclosed	DD 04/2029, SS 04/2031
Meraklis	2001	Japan	50,296	6.30	Undisclosed	DD 07/2026, SS 07/2028
Interlink Fortuity	2017	China	40,083	21.70	German	OHBS, eco M/E, ice class 1C, DD/SS 05/2027
Calobra	2015	China	35,480	18.00	German	Old sale, log-fitted, eco M/E, DD 03/2028, SS 02/2030, Danish owners
Gant Flair	2010	Japan	28,339	Undisclosed	European	Log-fitted, DD 03/2028, SS 03/2030, Greek owners
TANKERS						
Stella	2011	Korea	164,714	67.00	Undisclosed	DD/SS due 06/2026

Gladiator	2008	Japan	149,944	65.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 03/2027
Royal Jasmine	2008	China	53,148	20.80	Turkish	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD due 06/2026, SS 07/2028
Autan	2009	Korea	50,667	23.50	Perosea	Chemical IMO III, epoxy coated, DD 05/2027, SS 02/2029, Greek owners
Horizon Andros	2027	China	50,000	50.00	Undisclosed	Scrubber fitted, dely 02/2027
Horizon Spyros	2026	China	50,000	50.00		Scrubber fitted, dely 12/2026
Wonder Mimosa	2006	Korea	37,568	12.80	Greek	Old sale and delivered 04/2026, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS due 06/2026
Chemstar River	2017	Korea	22,407	33.00	Undisclosed	Basis BBHP over 3 years, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 07/2027, Japanese owners
MTM Hamburg	2008	Japan	20,564	17.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD 08/2026, SS 06/2028
CONTAINERS						
Wan Hai 612	2001	Korea	93,459	Undisclosed	French	5610 teu, 500 reefer units, DD/SS 09/2026
Wan Hai 611	2001	Korea	93,440	Undisclosed	Greek	5610 teu, 500 reefer units, DD/SS passed 04/2026, next DD 04/2029, SS 12/2030
Wan Hai 613	2001	Korea	93,440			5610 teu, 500 reefer units, DD/SS 09/2026
As Patria	2006	Korea	34,515	26.50	Chinese	2752 teu, scrubber fitted, DD 04/2028, SS 01/2030
As Sicilia	2008	China	25,927	18.50	Chinese	1794 teu, 319 reefer units, DD/SS 06/2027
Olivia	2013	China	21,789	25.00	Middle Eastern	1740 teu, 296 reefer units, DD/SS 01/2028
Erasmus Hope	2008	China	17,350	17.80	Undisclosed	1345 teu, 449 reefer units, CR 2X45T, ice strengthened, DD/SS 09/2028
KR Celebes	2002	Korea	10,701	6.50	Chinese	802 teu, 70 reefer units, CR 2X40T, DD/SS 11/2027

OTHERS

Methane Rita Andrea	2006	Korea	79,046	Undisclosed	Undisclosed	LPG, 142100 cbm, Kawasaki turbine propulsion, DD/SS due 07/2026
----------------------------	------	-------	--------	-------------	-------------	---

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		04/2026	1M	3M	6M	12M				04/2026	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE															
180k dwt	Resale	81.00	1%	3%	4%	7%	64.25	310k dwt	Resale	175.00	0%	14%	18%	22%	122.00
180k dwt	5 tuổi	70.50	3%	5%	8%	12%	49.50	310k dwt	5 tuổi	140.00	0%	13%	19%	25%	94.00
170k dwt	10 tuổi	54.50	4%	6%	9%	21%	35.00	250k dwt	10 tuổi	110.00	0%	12%	25%	33%	67.50
150k dwt	15 tuổi	36.50	6%	16%	28%	26%	22.25	250k dwt	15 tuổi	80.00	0%	14%	36%	51%	48.75
PANAMAX															
82k dwt	Resale	42.50	0%	8%	8%	10%	38.00	160k dwt	Resale	108.00	0%	8%	15%	15%	82.75
82k dwt	5 tuổi	37.50	1%	14%	15%	15%	31.75	150k dwt	5 tuổi	88.00	0%	5%	16%	14%	65.00
76k dwt	10 tuổi	28.50	0%	10%	10%	14%	23.00	150k dwt	10 tuổi	71.00	0%	3%	16%	15%	49.50
74k dwt	15 tuổi	19.50	1%	15%	22%	22%	15.25	150k dwt	15 tuổi	45.00	2%	5%	13%	10%	32.50
SUPRAMAX															
62k dwt	Resale	42.00	0%	9%	9%	11%	36.25	110k dwt	Resale	90.00	3%	6%	20%	20%	69.25
58k dwt	5 tuổi	37.00	0%	16%	17%	19%	28.25	110k dwt	5 tuổi	77.50	7%	7%	24%	24%	55.75
56k dwt	10 tuổi	28.00	-2%	12%	17%	19%	20.50	105k dwt	10 tuổi	65.00	8%	18%	30%	30%	42.50
52k dwt	15 tuổi	17.50	9%	11%	9%	15%	14.00	105k dwt	15 tuổi	42.00	11%	17%	24%	24%	28.50
HANDYSIZE															
37k dwt	Resale	36.00	1%	6%	9%	9%	30.25	52k dwt	Resale	59.00	4%	11%	11%	18%	46.75
37k dwt	5 tuổi	29.50	5%	9%	11%	16%	24.25	52k dwt	5 tuổi	49.00	4%	11%	14%	20%	37.50
32k dwt	10 tuổi	23.00	10%	14%	12%	24%	16.75	45k dwt	10 tuổi	39.00	5%	15%	22%	26%	27.75
28k dwt	15 tuổi	12.50	0%	6%	4%	4%	10.50	45k dwt	15 tuổi	27.00	4%	23%	46%	29%	18.75

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
VLAC	93,000 cbm	114.90	3	Hanwha Ocean	Zodiac Maritime	2029-2030	Price per unit, LPG dual fuel propulsion
VLAC	93,000 cbm	-	2	Hengli	Emarat Maritime	2028	Price per unit, LPG dual fuel propulsion
VLGC	90,000 cbm	114.00	2	Hyundai H.I.	KSS Lines	2029	Price per unit, LPG dual fuel propulsion
Tankers	158,000 dwt	82.00-83.00	2+2	Hengli	Beacon Tankers Management, Greece	2029	Price per unit
Bulkers	211,000 dwt	76.00	2	Dajin	Cape Shipping	FH 2029	Price per unit
Bulkers	64,500 dwt	34.00	3	Dajin	Guomao Haichang	2028	Price per unit
Containers	15,000 teu	203.50	6	Hyundai H.I.	ONE	Sep 2029	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	04/ 2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	-4.67%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	0.00%	0.00%	-1.47%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	0.00%	0.00%	-1.67%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	04/ 2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	1.56%	1.56%	2.36%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	3.49%	3.49%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.00%	-2.88%	-2.88%	-2.88%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

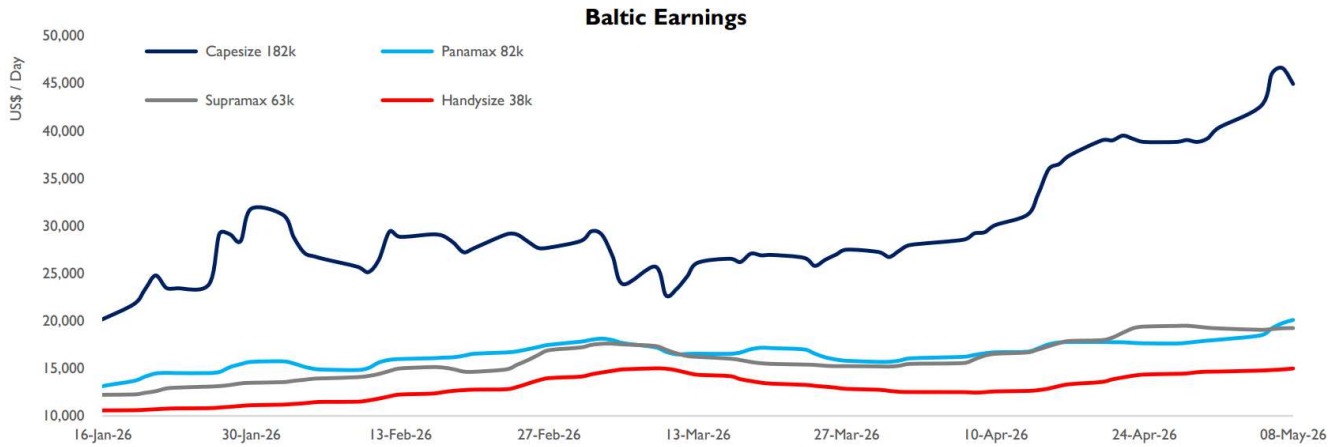
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 19.240 đô la Mỹ, tăng 31 đô la Mỹ so với mức 19.209 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường vẫn duy trì sự vững chắc trong suốt cả tuần. Mặc dù nhu cầu thuê tàu định hạn dài hạn có vẻ đã hạ nhiệt đôi chút, nhưng vẫn có nhiều thỏa thuận loại này đang được thực hiện một cách âm thầm ở mức giá cao. Tại khu vực Thái Bình Dương, Bắc Á ghi nhận khối lượng hàng hóa cải thiện, trong khi hoạt động xuất khẩu quặng niken tiếp tục giúp giữ giá cước ổn định. Các chuyên hàng backhaul tiếp tục đạt mức phí chênh lệch tốt, đặc biệt đối với các tàu có khả năng đi qua Vịnh Aden, với các tàu Ultramax đạt mức khoảng trên 23.000 đô la Mỹ. Nhu cầu hỏi thuê tàu chở than Indonesia cũng tăng lên trong tuần, với các hợp đồng được chốt ở mức từ thấp đến giữa 20.000 đô la Mỹ tại khu vực Đông Nam Á.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 14.994 đô la Mỹ, tăng 328 đô la Mỹ so với mức 14.666 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường vẫn duy trì đà khởi sắc, mặc dù các hoạt động có phần chậm lại do kỳ nghỉ lễ tại Trung Quốc. Thị trường Thái Bình Dương đã vượt qua Đại Tây Dương, một sự đảo chiều chưa từng thấy trong một thời gian dài. Thị trường Thái Bình Dương mở cửa khá yên ắng nhưng với xu thế vững chắc, được hỗ trợ bởi lượng tàu sẵn có hạn chế trong đầu tháng 5 và nhu cầu ổn định bất chấp các kỳ nghỉ lễ trong khu vực. Sự khan hiếm tàu tại Viễn Đông đã giữ giá cước ổn định quanh mức giao dịch gần nhất, trong khi tâm lý thị trường vẫn tích cực nhờ các yêu cầu thuê tàu mới từ Úc và các chuyến hàng backhaul. Tại khu vực Continent và Địa Trung Hải, nhu cầu tiếp tục trì trệ, khiến nhiều chủ tàu phải cân nhắc việc chạy tàu ballast. Tương tự, khu vực Vịnh Mỹ ban đầu vẫn khá trầm lắng do thiếu hụt nhu cầu mới. Nam Đại Tây Dương vẫn là thị trường sôi động nhất trong khu vực Đại Tây Dương, được hỗ trợ bởi một số lượng hàng hóa trong tháng 5 xuất phát từ Nam Brazil và danh sách tàu sẵn có ngắn. Giá cước cho các chuyến vượt Đại Tây Dương cao hơn đáng kể so với mức giao dịch gần nhất. Đầu tuần, tàu **Clipper Mallorca** (40.313 dwt, đóng 2025) được Berge Bulk thuê giao tại Nam Brazil (13/5) và trả tàu tại khu vực Vương quốc Anh - Bồ Đào Nha với lô hàng đường với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ/ngày; tuy nhiên vào cuối tuần, có tin một tàu khoảng 40.000 dwt đã được thuê từ khu vực Recalada để giao lại tại Morocco với mức giá khoảng 26.000 đô la Mỹ/ngày.

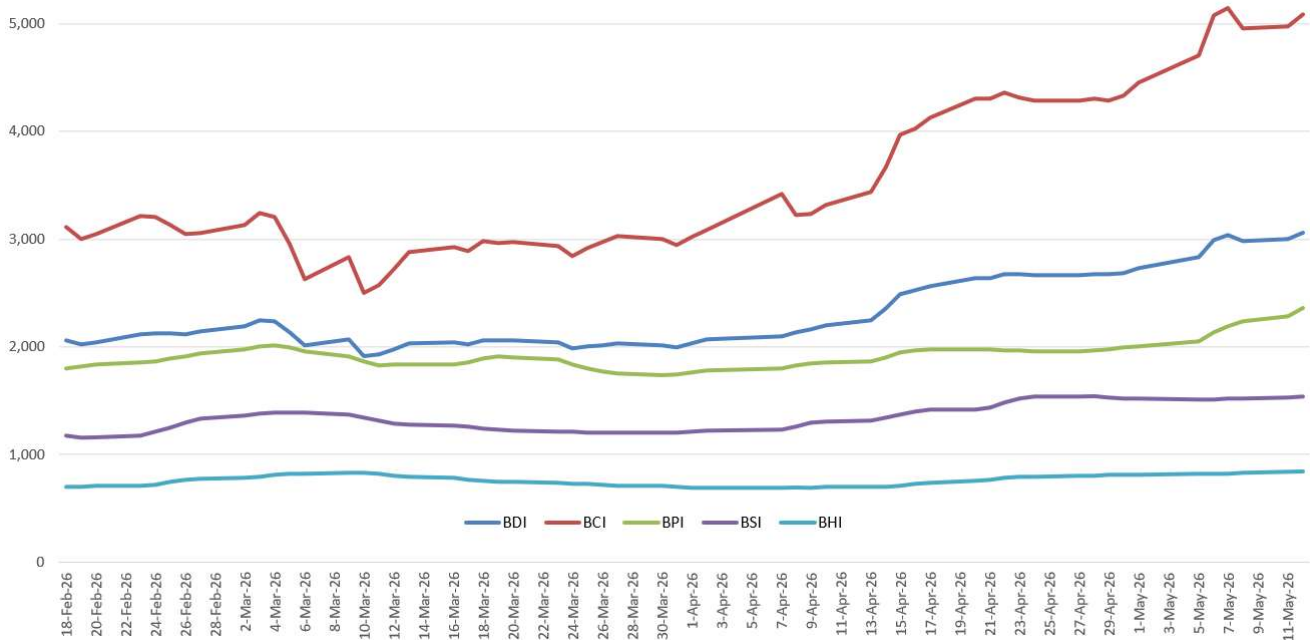
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 11/05/2026

	US\$/ngày		
SUPRAMAX	17.206	▲	31
HANDIES 38K	14.994	▲	328

(so sánh với giá trị ngày 04/05/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu tăng mạnh sau khi Mỹ bác bỏ phản hồi của Iran đối với đề xuất hòa bình do Washington đưa ra, dập tắt hy vọng về khả năng sớm chấm dứt cuộc xung đột tại Trung Đông bùng phát từ cuối tháng Hai. Ghi nhận, giá dầu Brent giao tháng 7 tăng 1% lên 103,3 đô la Mỹ/thùng, trong khi dầu WTI giao tháng 6 tăng 1,04% lên 96,41 đô la Mỹ/thùng. Việc phong tỏa eo biển Hormuz - tuyến hàng hải then chốt đối với hoạt động vận chuyển dầu khí toàn cầu - đã gây xáo trộn sâu sắc cho thị trường. Trước khi xung đột xảy ra, khoảng 20% lượng dầu của thế giới đi qua khu vực này, tương đương gần 20 triệu thùng mỗi ngày. Hệ quả là giá dầu tăng mạnh.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p>Phân khúc tàu VLCC</p>	<p>Khi tuần giao dịch dần khép lại, tâm lý thị trường tại cả khu vực phía Đông và phía Tây đang có dấu hiệu cải thiện. Động lực thị trường hiện đến từ các hành trình dài hơn, lượng hàng tại khu vực Đại Tây Dương chưa được chốt tàu, cùng với một số bên thuê có xu hướng lạc quan đang tìm kiếm tàu di chuyển về khu vực MEG. Trong bối cảnh này, các chủ tàu sẽ phải cân nhắc giữa việc chốt mức cước cải thiện tại thị trường phía Tây hoặc tiếp tục hướng sang thị trường phía Đông, nơi mặt bằng cước cũng đang tăng nhưng mức cải thiện chưa thực sự nổi bật bằng.</p> <table border="1" data-bbox="526 506 1463 764"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>417.889</td> <td>417.937</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG/Trung Quốc</td> <td>108.388</td> <td>113.743</td> <td>↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	417.889	417.937	↑	USG/Trung Quốc	108.388	113.743	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Trung Đông/ Trung Quốc	417.889	417.937	↑										
USG/Trung Quốc	108.388	113.743	↑										
<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Mặc dù thị trường Suezmax ghi nhận tuần giao dịch sôi động hơn, cước tuyến WAF–UKC chỉ tăng 5 điểm so với tuần trước, lên mức WS 200, khiến các chủ tàu phần nào thất vọng với diễn biến thị trường trong phiên giao dịch ngày hôm qua. Ở thị trường phía Đông, chưa ghi nhận nhiều thay đổi đáng kể trong bối cảnh các cuộc thảo luận liên quan đến khả năng mở lại eo biển Hormuz vẫn đang tiếp diễn. Tuy nhiên, thị trường phía Tây vẫn cho thấy dấu hiệu tạo đáy, khi tâm lý giữ giá của chủ tàu vẫn khá rõ rệt và mức lợi nhuận khai thác tiếp tục duy trì ở mức khả quan.</p> <table border="1" data-bbox="526 1108 1463 1409"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>88.508</td> <td>92.134</td> <td>↑</td> </tr> <tr> <td>USG / UKC</td> <td>116.314</td> <td>98.016</td> <td>↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	88.508	92.134	↑	USG / UKC	116.314	98.016	↓
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước										
Tây Phi / Cont	88.508	92.134	↑										
USG / UKC	116.314	98.016	↓										

Phân khúc tàu Aframax	Sau khởi đầu tuần khá chậm tại khu vực Biển Bắc, cước tuyến x-UKC đã giảm xuống mức WS 200 mặc dù hoạt động giao dịch có cải thiện vào cuối tuần. Tại khu vực Địa Trung Hải, mặt bằng cước suy yếu do lượng yêu cầu thuê tàu hạn chế trong tuần này. Tâm lý thị trường trước kỳ nghỉ cuối tuần nhìn chung vẫn khá âm ảm, dù nguồn cung tàu hiện vẫn dồi dào và được đánh giá chưa gây ra vấn đề đáng kể nào cho thị trường trong tuần tới. Trong khi đó, cước tuyến USG-UKC giảm mạnh 135 điểm so với tuần trước, xuống còn WS 290.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	146.279	111.208	↓
	Med / Med	97.346	73.171	↓
	USG / Cont	121.485	74.049	↓
Caribs / USG	187.635	117.899	↓	

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

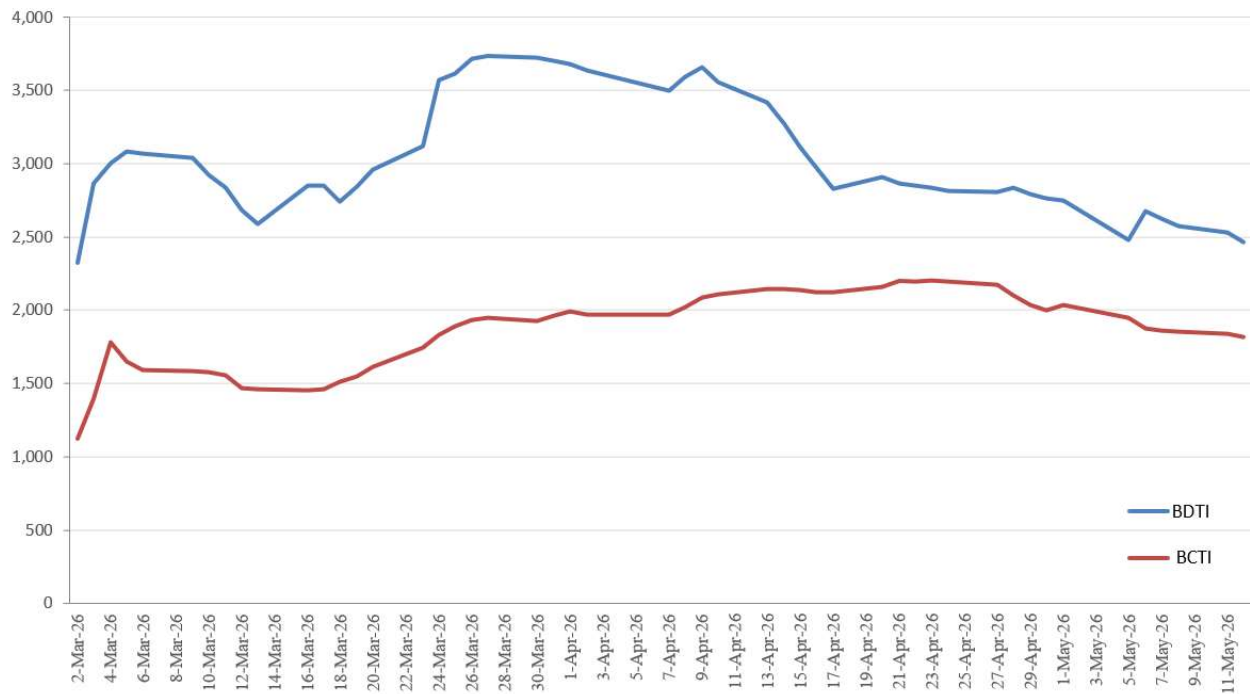
Đối với phân khúc **tàu MR/Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Địa Trung Hải nhìn bề ngoài khá trầm lắng, tuy nhiên hoạt động giao dịch ngoài thị trường cùng với xu hướng ưu tiên các lô hàng Handy của chủ tàu đã phần lớn giúp cân bằng – cầu duy trì ổn định. Dù vậy, sau khi mở đầu ở mức 37kt x WS 260 cho tuyến Med/TA tiêu chuẩn, thị trường đã điều chỉnh giảm mạnh vào ngày thứ Tư khi giao dịch 37kt x WS 200 được ký kết. Theo ghi nhận gần nhất, một lô hàng naphtha được ghi nhận ở mức 37kt x WS 205, qua đó làm tiêu tan kỳ vọng của chủ tàu rằng mặt bằng cước có thể ổn định quanh ngưỡng WS 220. Bước sang tuần tới, tâm lý thị trường vẫn nghiêng về xu hướng giảm trừ khi xuất hiện sự cải thiện đáng kể về khối lượng hàng hóa. Tại khu vực Tây Bắc Âu, thị trường tàu Handy khởi đầu tuần khá chậm khi không ghi nhận lô hàng mới nào trong ngày thứ hai và thứ ba. Càng về cuối tuần, nguồn cung tàu trên thị trường ngày càng tăng, trong khi lượng hàng mới không đủ để hấp thụ nguồn cung tàu sẵn có, tiếp tục gây áp lực lên mặt bằng cước. Theo ghi nhận, cước trên tuyến TC23 (ARA/UK-Cont) gần nhất được ghi nhận ở mức WS 385. Tương tự, thị trường tàu MR cũng có khởi đầu khá trầm lắng với hoạt động hạn chế và số lượng tàu mở tăng dần. Tuyến TC2 (Cont/USAC) khởi đầu tuần ở mức yếu hơn, quanh mức WS 215. Tuy nhiên, sự gia tăng mạnh về hoạt động giao dịch vào cuối tuần, đặc biệt trong ngày thứ năm, đã giúp hấp thụ đáng kể lượng tàu có sẵn gần ngày. Động thái này phần nào hỗ trợ thị trường và giúp mặt bằng cước ổn định trở lại. Tuyến ARA/WAFR được lập lại ở mức WS 340, trong khi tuyến X-UKC được thử ở mức WS 340. Trong khi đó, tuyến TC14 (USG/UKC) ghi nhận đợt điều chỉnh giảm mạnh xuống quanh WS 190.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Indonesia đã tăng thuế xuất khẩu thêm khoảng 37 đô la Mỹ/tấn trong tháng 5 so với tháng 4, lên mức 309 đô la Mỹ/tấn. Diễn biến này đang ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu thị trường và tạo áp lực mạnh lên thị trường cước vận tải. Theo đó, mức cước chuẩn tuyến Straits đi WCI/Pakistan từ vùng giữa đến cao của ngưỡng 40 đô la Mỹ/tấn hiện đang bị kéo giảm xuống vùng thấp của ngưỡng 40 đô la Mỹ/tấn. Hiện vẫn chưa rõ liệu thuế xuất khẩu trong tháng 6 có được điều chỉnh giảm hay không, do đó các nhà giao dịch đang theo dõi thêm diễn biến thị trường cũng như chờ đợi khả năng xuất hiện các yếu tố kinh tế thuận lợi hơn. Đối với các tuyến hướng phía Bắc cho tàu J19, thị trường vẫn ghi nhận nguồn hàng hạn chế trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt mỗi khi có lô hàng xuất hiện. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc trong tháng 5 cũng diễn ra chậm trong nửa đầu tháng. Nhiều tàu ghi nhận tình trạng không ký kết được giao dịch do các bên không thể chốt được giá.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 19/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 18/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	105,000	64,000	53,000	100,000	63,000	52,500
SUEZMAX	71,000	46,000	36,000	72,500	46,000	36,000
AFRAMAX	62,000	38,000	31,000	62,500	38,500	31,500
LR-2	61,000	37,000	31,000	62,000	38,000	31,000
LR-1	38,000	27,500	23,000	37,000	27,000	23,000
MR	33,500	24,000	19,500	33,500	24,000	19,500
HANDY	27,500	21,500	18,000	27,000	21,500	18,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	445-450		465-470		475-480	
2	Bangladesh	460-465		480-485		490-495	
3	India	425-430	▲ 5-10	445-450		455-460	
4	Turkey	268-270	▼ 2-4	278-280	▼ 2-4	288-290	▼ 2-4

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ ĐỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 19/2026

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	DWT	Comments
Jenny Lucky	Bulkers	1992	7,176	Pakistan	450.00	38,852	
Gas Commander	LPG	1996	1,526	Bangladesh	550.00	2,347	
Akritas	Roro	1982	8,170	-	-	13,030	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiêu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên*